

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2010/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2011 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ X - KỶ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3576/TTr-UBND ngày 30/11/2010 của UBND tỉnh về việc quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2011 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2011 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (có quy định cụ thể kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2.

1. Nguyên tắc cân đối được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa số chi và nguồn thu ngân sách cấp dưới. Nếu chi lớn hơn thu thì được cấp bổ sung cân đối ngân sách. Nếu thu lớn hơn chi thì được giao thêm nhiệm vụ chi.

2. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu và mức bổ sung từ ngân sách cấp trên, chế độ thu, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán thu,

chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu, chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

3. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách có sự biến động lớn về nhiệm vụ thu, chi làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối của ngân sách các cấp thì UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho phù hợp.

Điều 3.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán

**PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN
CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG ÁP DỤNG TỪ NĂM 2011 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

I. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương được quy định tại Điều 32 và Điều 33 của Luật Ngân sách nhà nước.

**II. PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA
CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP**

1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương:

- a) Thuế giá trị gia tăng (GTGT), không kể thuế GTGT hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), không kể thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành;
- c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
- d) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, không kể thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài từ lĩnh vực dầu, khí;
- đ) Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước;
- e) Phí xăng, dầu.

2. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

2.1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương với ngân sách địa phương, phần ngân sách địa phương coi như 100%, ngân sách cấp tỉnh hưởng:

- a) Thuế GTGT, không kể thuế GTGT hàng hoá nhập khẩu; Thuế TNDN, không kể thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành; Thuế TTĐB thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước của doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn Điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- b) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
- c) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, không kể thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài từ lĩnh vực dầu, khí;
- d) Phí xăng, dầu.

2.2. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%:

- a) Tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất từ các dự án do tỉnh quản lý;
- b) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tiền thu về thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

c) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

d) Thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp tỉnh, tiền thu hồi vốn của ngân sách tỉnh tại các cơ sở kinh tế, thu từ Quỹ dự trữ tài chính theo quy định;

đ) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có quy định riêng);

e) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

g) Thu huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN;

h) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

i) Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

k) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

l) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

2.3. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện, thành phố:

Thu từ các DNNN đã cổ phần hoá (Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ); các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã (phân phân chia giữa ngân sách Trung ương với ngân sách địa phương).

3. Nguồn thu ngân sách cấp huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

3.1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

a) Thuế môn bài thu từ các DNNN, các DNNN đã cổ phần hoá, các DN có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Thu khác thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh (bao gồm DNNN đã cổ phần hoá Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ);

c) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp huyện tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có quy định riêng);

d) Lệ phí trước bạ (trừ trước bạ nhà, đất);

đ) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tiền thu về thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện;

e) Tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất từ các dự án do huyện, thành phố quản lý. Việc phân bổ nguồn thu này (sau khi trích 30% cho Quỹ phát triển đất tỉnh) cho ngân sách cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định (tùy theo từng dự án hoặc từng xã) bằng hình thức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã;

g) Tiền sử dụng đất cấp cho tổ chức, cá nhân (trích 30% cho Quỹ phát triển đất tỉnh);

h) Thu đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

i) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

k) Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

l) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

m) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

3.2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):

a) Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước thu từ kinh tế cá thể, hộ gia đình (phần phân chia giữa ngân sách Trung ương với ngân sách địa phương);

b) Thuế tài nguyên;

c) Thuế nhà, đất;

d) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

4. Nguồn thu ngân sách cấp xã:

4.1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế môn bài thu từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn huyện;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Các khoản phí, lệ phí thu vào ngân sách xã theo quy định;

d) Thu từ các hoạt động sự nghiệp phân nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

đ) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản;

e) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, tiền thu về thanh lý tài sản thuộc cấp xã quản lý;

g) Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng theo nghị quyết của HĐND xã;

h) Các khoản đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho xã theo quy định của pháp luật;

i) Thu kết dư ngân sách xã;

k) Các khoản thu khác của ngân xã theo quy định của pháp luật;

l) Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện;

m) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

4.2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp xã với ngân sách cấp trên: Gồm các khoản thu phân chia với ngân sách huyện tại điểm 3.2 nói trên.

5. Hằng năm, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, sau khi trừ các khoản chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác được trích 30% để đảm bảo hình thành đủ mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ phát triển đất của tỉnh theo quy định.

III. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI:

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:

1.1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý;
- b) Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- c) Chi chương trình mục tiêu Quốc gia do các cơ quan tỉnh thực hiện;
- d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Chi trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi) các khoản huy động theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2. Chi thường xuyên:

- a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, đảm bảo xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý:
 - Giáo dục trung học phổ thông và các hoạt động giáo dục khác do cấp tỉnh quản lý;
 - Đại học, cao đẳng, trung cấp;
 - Các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn; các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác;
 - Phòng bệnh, khám chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;
 - Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hoạt động văn hoá khác do tỉnh quản lý;
 - Chi bồi dưỡng, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên, các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do tỉnh quản lý;
 - Chi cho nhiệm vụ Phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý;
 - Chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác do tỉnh quản lý;
 - Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do tỉnh quản lý;
- b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý:
 - Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;
 - Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Sự nghiệp thị chính (trừ phần giao cho ngân sách thành phố): Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thành, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;

- Điều tra cơ bản;

- Các hoạt động sự nghiệp về môi trường;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về Quốc phòng, An ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ;

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam do tỉnh quản lý;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.

e) Các chương trình Quốc gia do Chính phủ giao cho tỉnh quản lý;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;

1.4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;

1.5. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh sang năm sau.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp;

Đối với thành phố Quảng Ngãi, ngoài các nhiệm vụ như ngân sách huyện còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

b) Chi chương trình mục tiêu Quốc gia do các cơ quan huyện thực hiện.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, đảm bảo xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, phát thanh, truyền thanh, truyền hình, môi trường, các sự nghiệp khác do huyện quản lý:

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; đào tạo, bồi dưỡng khác.

- Công tác về môi trường, xử lý môi trường khu dân cư, cụm công nghiệp, làng nghề,... do huyện quản lý.

- Chi thực hiện hiện chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của Chính phủ.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế: Nông nghiệp, Công nghiệp, Thương nghiệp, Tài nguyên môi trường, Ngư nghiệp, diêm nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Sự nghiệp giao thông, các sự nghiệp kinh tế khác do huyện quản lý.

Đối với Thành Phố Quảng Ngãi, ngoài các nhiệm vụ như ngân sách huyện còn có nhiệm vụ chi kiến thiết thị chính.

Đối với các huyện nhiệm vụ này được bảo đảm bằng nguồn sự nghiệp kinh tế khác.

c) Công tác quân sự địa phương:

- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng trên địa bàn huyện.

- Tổ chức các hoạt động ngày quốc phòng toàn dân, ngày truyền thống của lực lượng dân quân tự vệ, ngày biên phòng toàn dân...

- Tham gia hội thao quốc phòng các cấp;

- Tổng kết khen thưởng các đơn vị, cán bộ có thành tích trong công tác quốc phòng.

- Tổ chức, huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tại chỗ; tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ được giao; tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo qui định của pháp luật.

- Công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng.

- Các nhiệm vụ khác của công tác quốc phòng theo qui định của pháp luật.

d) Công tác An ninh và trật tự, an toàn xã hội địa phương:

- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

- Tuyên truyền, giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội;

- Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc;

- Các nhiệm vụ khác về công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo qui định của chính phủ.

đ) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam do huyện quản lý;

e) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

g) Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi theo quy định của pháp luật;

h) Trợ giá, trợ cước theo chính sách của Nhà nước;

i) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (bao gồm chi bổ sung từ nguồn thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất);

2.4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:

3.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do xã quản lý;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo qui định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Chi thường xuyên:

a) Hỗ trợ chi hoạt động nhà trẻ, mẫu giáo do xã quản lý;

b) Chi đảm bảo xã hội: Chi trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; cứu trợ đột xuất;

c) Chi hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục - thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý;

d) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng do xã quản lý.

đ) Chi sự nghiệp kinh tế: hỗ trợ khuyến khích phát triển sự nghiệp kinh tế theo chế độ qui định; sự nghiệp môi trường: hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt ở khu dân cư, ...;

e) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cấp xã;

g) Chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; chi hỗ trợ ban đại diện người cao tuổi, hoạt động cộng đồng dân cư theo qui định của pháp luật;

h) Chi nhiệm vụ quân sự địa phương:

- Chi hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ mới, tổ chức sơ kết, tổng kết quân sự địa phương;

- Chi hỗ trợ thực hiện luật nghĩa vụ quân sự ở xã.

i) Chi công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương:

- Đảm bảo hoạt động của công an viên, Tổ an ninh nhân dân;

- Chi triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn xã, chi ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã

III. TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH (có phụ lục kèm theo).

PHỤ LỤC

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu NSNN trên địa bàn tỉnh cho các cấp ngân sách - năm 2011.
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2011 của HĐND tỉnh)

Số TT	Danh mục thu cũ	Tỷ lệ % năm 2007				Số TT	Danh mục thu mới	Tỷ lệ % năm 2011				Ghi chú
		TW	Tỉnh	Huyện	Xã			TW	Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Thuế thu từ các DN Nhà nước TW, địa phương (kể cả DN đã cổ phần hóa) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					1	Thuế thu từ các DNNN TW, địa phương (bao gồm DNNN đã cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn Điều lệ trở lên), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ Xổ số kiến thiết)					DNNN đã CPH hạch toán Chương
1.1	Thuế VAT		100			1.1	Thuế GTGT	39	61			
1.2	Thuế TNDN (trừ các DN hạch toán toàn ngành)		100			1.2	Thuế TNDN (trừ các DN hạch toán toàn ngành)	39	61			
1.3	Thuế TTĐB h.hoá, d.vụ trong nước			100		1.3	Thuế TTĐB h.hoá, dịch vụ trong nước	39	61			
	Trong đó: Bia và XSKT		100									
1.4	Thuế tài nguyên			50	50	1.4	Thuế tài nguyên			50	50	
1.5	Thuế môn bài			100		1.5	Thuế môn bài			100		
1.6	Thu khác về thuế		100			1.6	Thu khác về thuế (bao gồm thu phạt về thuế)		100			
2	Thuế CTN và Dịch vụ ngoài QĐ					2	Thuế CTN và Dịch vụ ngoài QĐ					

2.1	Thuế VAT, Thuế TNDN, Thuế TTĐB của các Công ty cổ phần, Công ty TNHH, HTX (trừ DNNN đã cổ phần hoá)					2.1	Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TTĐB của các Công ty cổ phần (bao gồm DNNN đã cổ phần hoá Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn Điều lệ), Công ty TNHH, HTX					DNNN đã CPH hạch toán Chương	
a	Thu trên địa bàn thành phố		20	80		a	Thu trên địa bàn thành phố	39	16	45			
b	Thu trên địa bàn các huyện			100		b	Thu trên địa bàn các huyện	39		61			
2.2	Thuế VAT, Thuế TNDN, Thuế TTĐB của Kinh tế cá thể, hộ gia đình					2.2	Thuế GTGT, Thuế TNDN, Thuế TTĐB của Kinh tế cá thể, hộ gia đình						
a	Thu trên địa bàn Thành phố			70	30	a	Thu trên địa bàn Thành phố	39		51	10		
b	Thu trên địa bàn các huyện			50	50	b	Thu trên địa bàn các huyện	39		41	20		
2.3	Thuế môn bài (trừ môn bài cá nhân, hộ KD)			100		2.3	Thuế môn bài						
	T.đó: Môn bài cá nhân, hộ KD					a	Thu từ DN, Cty, HTX			100			
a	Thu trên địa bàn phường			70	30	b	Thu từ cá nhân SX, KD hàng hóa, dịch vụ				100		
b	Thu trên địa bàn các xã, thị trấn				100								
2.4	Thuế Tài nguyên			50	50	2.4	Thuế Tài nguyên			50	50		
2.5	Thu khác về thuế CTN và dịch vụ ngoài QD			100		2.5	Thu khác về thuế CTN và dịch vụ ngoài QD (bao gồm thu phạt về thuế)			100			

3	Lệ phí trước bạ					3	Lệ phí trước bạ					
3.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất					3.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất			30	70	
a	Thu trên địa bàn phường			80	20	3.2	Lệ phí trước bạ khác			100		
b	Thu trên địa bàn các xã, thị trấn			20	80							
3.2	Lệ phí trước bạ khác			100								
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				100	4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				100	
5	Thuế nhà đất					5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			70	30	
5.1	Thuế nhà đất trên địa bàn Phường			80	20	6	Thuế nhà đất			30	70	
5.2	Thuế nhà đất trên địa bàn các xã, thị trấn				100							
6	Thuế chuyển quyền SD đất (nếu có)					7	Thuế chuyển quyền SD đất (nếu có)				100	
6.1	Thu trên địa bàn Phường			80	20							
6.2	Thu trên địa bàn các xã, thị trấn				100							
7	Thu tiền sử dụng đất					8	Thu tiền sử dụng đất					
7.1	Cấp đất ở cho hộ dân cư					8.1	Cấp đất cho tổ chức, cá nhân (Hạch toán theo Chương đối tượng nộp)			100		
a	Trên địa bàn thành phố			100								
b	Các huyện			70	30							

7.2	Thu đấu giá quyền sử dụng đất để huy động vốn ĐTXD cơ sở hạ tầng					8.2	Thu đấu giá quyền sử dụng đất					
a	Tỉnh lập dự án		90	10		a	Dự án tỉnh quản lý (Hạch toán Chương 560)		100			
b	Huyện, thành phố (kể cả xã, phường, thị trấn) lập dự án			100		b	Dự án huyện, thành phố quản lý (hạch toán Chương 760)			100		
8	Tiền thuê đất			100		9	Tiền thuê đất			100		
9	Thuế thu nhập cá nhân		50	50		10	Thuế thu nhập cá nhân	39	61			
10	Thu hoạt động xổ số kiến thiết		100			11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		100			
11	Thu phí xăng dầu		100			12	Thu phí xăng dầu	39	61			
12	Phí BV môi trường đối với nước thải (Trung ương quy định)	50	50			13	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản		100			
13	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản			50	50							
14	Thu phí, lệ phí khác (trừ phí đã quy định tại điểm 12 và 13 nói trên)					14	Thu phí, lệ phí khác (trừ phí đã quy định tại điểm 12 và 13 nói trên)					
a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
b	Các đơn vị huyện, thị, TP quản lý			100		b	Các đơn vị huyện, TP quản lý			100		
c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	

15	Thu sự nghiệp					15	Thu sự nghiệp					
a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			a	Các đơn vị tỉnh quản lý		100			
b	Các đơn vị huyện, TP quản lý			100		b	Các đơn vị huyện, TP quản lý			100		
c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	c	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý				100	
16	Thu tiền bán nhà, thuê nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước					16	Thu tiền bán nhà, thuê nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước					
a	Do cấp tỉnh quản lý		100			a	Do cấp tỉnh quản lý		100			
b	Do cấp huyện, thành phố quản lý			100		b	Do cấp huyện, thành phố quản lý			100		
c	Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý				100	c	Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý				100	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản				100	17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản					100
18	Thu khác ngân sách					18	Thu khác ngân sách					
18.1	Thu phạt, tịch thu (trừ phạt tịch thu về thuế)					18	Thu phạt, tịch thu (trừ thu phạt về thuế)					
a	Do cấp tỉnh quản lý thu		100			a	Do cấp tỉnh, Trung ương quản lý thu		100			
b	Do cấp huyện, thành phố quản lý thu			100		b	Do cấp huyện, thành phố quản lý thu			100		
c	Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý thu				100	c	Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý thu				100	
18.2	Thu xử phạt vi phạm trật tự an toàn GT		100			18	Thu xử phạt vi phạm trật tự an toàn GT		100			

18.3	Thu đóng góp					18	Thu đóng góp					
a	Cấp tỉnh thu		100			a	Cấp tỉnh thu		100			
b	Cấp huyện, thành phố thu			100		b	Cấp huyện, thành phố thu			100		
c	Cấp xã, phường, thị trấn				100	c	Cấp xã, phường, thị trấn				100	
19	Các khoản thu khác					19	Các khoản thu khác					
a	Cấp tỉnh thu		100			a	Cấp tỉnh thu		100			
b	Cấp huyện, thành phố thu			100		b	Cấp huyện, thành phố thu			100		
c	Cấp xã, phường, thị trấn				100	c	Cấp xã, phường, thị trấn				100	